

thành phố B, tỉnh Bắc Ninh làm giám đốc điều hành. Mục đích thành lập và chuyển nhượng các công ty là để bán hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn GTGT) để thu lợi bất chính.

Sau khi thành lập, chuyển nhượng, cả 03 công ty trên đều không có hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại, toàn bộ giấy phép, con dấu, U1 (thiết bị khởi tạo, phát hành hóa đơn GTGT điện tử) đều do H nắm giữ. Để bán trái phép hóa đơn, Đặng Thị X liên hệ với khách hàng lấy các thông tin như tên, mã số thuế, địa chỉ G, loại hàng hoá, số lượng, số tiền...chuyển qua cho H để H sử dụng USB Token xuất hoá đơn từ một trong các công ty đang nắm giữ cho người mua bằng hình thức gửi qua G hoặc H chuyển lại hóa đơn cho X theo dạng file PDF qua ứng dụng Zalo để X chuyển cho khách hàng mua và X sẽ tổng hợp, thu tiền của người mua từ 1,5% tới 2,5% giá trị trước thuế ghi trên hoá đơn tùy vào các loại hàng hoá nhằm ăn chia hưởng lợi.

Theo cách thức trên, từ tháng 6 năm 2022 đến ngày 28/12/2022, Nguyễn Minh H và Đặng Thị X đã sử dụng pháp nhân của 03 Công ty trên để bán trái phép 92 số hoá đơn GTGT với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 98.468.863.514 đồng, đã thu lợi bất chính số tiền 513.100.000 đồng, cụ thể:

1. Bán 29 số hoá đơn với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 34.355.954.330 đồng cho Nguyễn Thị Tú U, sinh năm 1980, trú tại tổ E, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, xuất đến Công ty TNHH T4 và Công Ty TNHH X2;

2. Bán 32 số hoá đơn với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 38.423.203.740 đồng cho Nguyễn Đình K1 - Giám đốc và Nguyễn Thị C - Kế toán của Công ty cổ phần G1 và Công ty TNHH G2;

3. Bán 14 số hoá đơn với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 17.893.220.000 đồng thông qua Lương Thị Lan A, sinh năm 1974, trú tại tổ A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để xuất cho Công ty TNHH X3 và Công ty TNHH X4;

4. Bán 01 số hoá đơn số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 309.228.408 đồng cho Nguyễn Văn T2 - Giám đốc Công ty TNHH M1;

5. Bán 01 số hoá đơn với số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 1.455.575.000 đồng cho Ngô Cảnh V - Giám đốc Công ty TNHH T5;

6. Bán 15 số hoá đơn với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 6.031.682.036 đồng cho các đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch. Trong đó: có 01 hóa đơn thể hiện xuất đến Công ty TNHH T6 với số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 295.900.000 đồng; có 04 hoá đơn thể hiện xuất đến Công ty TNHH Đ với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 1.898.477.198 đồng; có 10 hoá đơn thể hiện xuất đến Công ty cổ phần B2 với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 3.837.304.838 đồng.

Đối với số tiền 513.100.000 đồng đã được thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn, Nguyễn Minh H tự mình sử dụng để tiêu dùng cá nhân hết không chia cho Đặng Thị X đồng nào.

Từ ngày 28/12/2022, do mâu thuẫn với Đặng Thị X, nên Nguyễn Minh H không tham gia vào hoạt động bán trái phép hóa đơn cùng với Đặng Thị X. Vì vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 29/12/2022 đến tháng 3/2023, Đặng Thị X đã bàn bạc, chỉ đạo Lý Thị H1 cùng điều hành hoạt động của Công ty M, Công ty B1 và Công ty D, có địa chỉ tại tầng I tòa nhà A N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội, mã số thuế 010727888, Lương Thị Lan A đưa USB Token cho Lý Thị H1 giữ, tiếp tục bán trái phép hóa đơn.

Để thực hiện, X là người liên hệ khách hàng nhận thông tin, chuyển cho Lý Thị H1 để H1 sử dụng USB Token của một trong 03 Công ty xuất bán sau đó chuyển file dạng PDF hoá đơn vào Gmail của khách hàng hoặc chuyển file PDF hoá đơn cho X qua ứng dụng Telegram để X chuyển cho khách hàng và thu tiền của người mua từ 1,5% tới 3,5% giá trị trước thuế ghi trên hoá đơn tùy vào các loại hàng hoá. Theo cách thức như trên Đặng Thị X và Lý Thị H1 đã bán 70 số hóa đơn GTGT với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 93.916.952.575 đồng, trong đó: Xuất bán trái phép hóa đơn từ Công ty B1 22 số; từ Công ty M 25 số với tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 48.099.460.167 đồng; từ Công ty D 23 số với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 45.817.492.408 đồng, đã thu lợi bất chính từ người mua số tiền 15.079.000 đồng, cụ thể:

1. Bán 13 số hoá đơn với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 10.643.362.045 đồng cho Nguyễn Thị Tú U xuất đến hai công ty là Công ty TNHH T4, Công Ty TNHH X2;

2. Bán 12 số hoá đơn với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 10.902.814.000 đồng cho Nguyễn Đình K1 và Nguyễn Thị C là giám đốc và kế toán Công ty cổ phần G1;

3. Bán 05 số hoá đơn với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 3.835.548.122 đồng cho Lương Thị Hải V1, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang xuất đến Công ty TNHH X3;

4. Bán 26 số hoá đơn với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 32.632.847.385 đồng cho Lương Thị Lan A xuất đến 03 công ty gồm: Công ty TNHH X4, Công ty TNHH T5, Công ty TNHH Đ1;

5. Bán 14 số hoá đơn với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 35.902.345.023 đồng cho đối tượng không rõ nhân thân lai lịch, nội dung hóa đơn thể hiện xuất đến Công ty TNHH T6, Công ty TNHH N1, Công ty TNHH X5, Công ty Cổ phần T7, Công ty cổ phần Đ2, Công ty cổ phần X6, Công ty TNHH X7, Công ty TNHH Đ3.

Như vậy, Đặng Thị X đã có 02 lần bán tổng cộng 162 số hoá đơn GTGT với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 192.385.816.089 đồng (trong đó: Lần thứ nhất X cùng Nguyễn Minh H bán 92 số; lần thứ hai cùng với Lý Thị H1 bán 70 số). Bị cáo thu lợi bất chính được số tiền 15.079.000 đồng, đã trả công cho Lý Thị Hằng số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, để hợp thức hóa hàng hóa đầu vào của Công ty D nhằm tiếp tục bán hóa đơn từ công ty này nên Đặng Thị X đã chỉ đạo H1 đã xuất 39 số hóa đơn từ Công ty M, Công ty B1 sang Công ty D với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 55.381.448.107 đồng, trong đó: 31 hoá đơn của

Công ty B1 với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 37.205.570.352 đồng; 08 hoá đơn của Công ty M với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 18.175.877.755 đồng. Qua điều tra xác định không có khách hàng mua hóa đơn, việc điều hành, quản lý 03 công ty trên đều do các bị cáo trong vụ án thực hiện.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã tuyên bố bị cáo Đặng Thị X phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án hoặc bị bắt đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Đặng Thị X 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/01/2024, bị cáo Đặng Thị X có đơn kháng cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo, được miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo và Người bào chữa cho bị cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Người bào chữa cho có văn bản đề nghị hoãn phiên tòa và xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo đang điều trị bệnh “rối loạn chức năng tiền đình” tại Bệnh viện Q (tỉnh Bắc Ninh).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã mở phiên tòa 02 lần nhưng bị cáo đều vắng mặt còn người bào chữa cho bị cáo cả 02 lần đều có đơn đề nghị hoãn phiên tòa; để giải quyết vụ án được kịp thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự để tiến hành xét xử bị cáo. Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, Kiểm sát viên xác định việc tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Đặng Thị X về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 24 tháng tù, phạt bổ sung 20.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò của bị cáo trong vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo đề nghị được giảm hình phạt, được hưởng án treo, miễn hình phạt bổ sung nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị X, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Đặng Thị X trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã mở phiên tòa nhiều lần nhưng bị cáo đều vắng mặt còn người bào chữa cho bị cáo đều có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Xét thấy tội phạm bị cáo thực hiện không thuộc trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Để giải quyết vụ án được kịp thời, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và người bào chữa của bị cáo.

[3] Những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Lai Châu trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại, tố cáo.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của chính bị cáo và các bị cáo khác tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 3/2023, vì mục đích tư lợi bị cáo Đặng Thị X có 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng cho nhiều cá nhân, công ty khác nhau, cụ thể:

- Trong thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng ngày 28/12/2022, bị cáo đã cùng Nguyễn Minh H thành lập, chuyển nhượng 03 Công ty: (1) Công ty TNHH MTV M, có địa chỉ tại bản S, xã S, Thành phố L, tỉnh Lai Châu; (2) Công ty TNHH B; (3) Công ty TNHH B1, đều có địa chỉ tại số H, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi thành lập, chuyển nhượng, cả 03 công ty trên đều không có hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại, toàn bộ giấy phép, con dấu, U1 (thiết bị khởi tạo, phát hành hoá đơn GTGT điện tử) đều do H nắm giữ. Để bán trái phép hóa đơn, Đặng Thị X liên hệ với khách hàng lấy các thông tin như tên, mã số thuế, địa chỉ G, loại hàng hoá, số lượng, số tiền...chuyển qua cho H để H sử dụng USB Token xuất hoá đơn từ một trong các công ty đang nắm giữ cho người mua bằng hình thức gửi qua G hoặc H chuyển lại hóa đơn cho X theo dạng file PDF qua ứng dụng Zalo để X chuyển cho khách hàng mua và X sẽ tổng hợp thu tiền của người mua từ 1,5% tới 2,5% giá trị trước thuế ghi trên hoá đơn tùy vào các loại hàng hoá nhằm ăn chia hưởng lợi. Theo cách thức trên, Đặng Thị X và Nguyễn Minh H đã bán trái phép 92 số hoá đơn GTGT với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 98.468.863.514 đồng và thu lợi bất chính số tiền 513.100.000 đồng (*Nguyễn Minh H chiếm hưởng cả, không chia cho Đặng Thị X*).

- Từ ngày 29/12/2022 đến tháng 3/2023, bị cáo Đặng Thị X đã bàn bạc, chỉ đạo Lý Thị H1 sử dụng pháp nhân của Công ty M, Công ty B1, Công ty D

xuất bán 70 số hóa đơn GTGT đã ghi đầy đủ nội dung số với tổng số tiền thanh toán ghi trên hoá đơn là 93.916.952.575 đồng, cho nhiều cá nhân, công ty khác nhau, thu lợi bất chính số tiền 15.079.000 đồng. Đặng Thị X đã trả công cho Lý Thị Hằng số tiền 10.000.000 đồng

[5] Những hành vi vi phạm pháp luật nêu trên của bị cáo Đặng Thị X là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” với 02 tình tiết định khung “*Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên*” và “*Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*” được quy định tại điểm d, đ khoản 2, Điều 203 của Bộ luật Hình sự có căn cứ, tội, đúng pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo.

[6.1] Về việc được hưởng án treo: Bị cáo Đặng Thị X thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn 02 lần, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Văn bản hợp nhất) hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo thuộc trường hợp không được hưởng án treo. Do đó, kháng cáo của bị cáo đề nghị được hưởng án treo không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.2] Về việc đề nghị được giảm hình phạt: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại cấp sơ thẩm bị cáo đã nộp lại số tiền 15.079.000 đồng thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn; bị cáo có bà nội là Nguyễn Thị N được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen là người có công với cách mạng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo là phụ nữ, đã ly hôn, đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2021), khi phạm tội với vai trò đồng phạm cùng Nguyễn Minh H bị cáo không hề được hưởng lợi, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận phần nội dung kháng cáo này của bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo, trở thành công dân có ích sớm trở về tái hòa nhập xã hội, có điều kiện chăm sóc con nhỏ và gia đình.

[6.3] Về kháng cáo của bị cáo đề nghị miễn hình phạt bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Đặng Thị X 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) là đúng. Xét thấy bị cáo không có căn cứ chứng minh bản thân thuộc trường hợp đặc biệt khó khăn về kinh tế hoặc sức khỏe nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đặng Thị X.
2. Chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đặng Thị X. Sửa quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đối với bị cáo Đặng Thị X như sau:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 18 (mười tám) tháng tù về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt đầu chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 16/4/2023 đến ngày 22/4/2023.

3. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc miễn hình phạt bổ sung. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm 21/2024/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu: Áp dụng khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Đặng Thị X 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.
- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- CQĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo (Theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh